

Phép trừ có nhớ hai chữ số

Họ và tên: _____

Ngày: _____

DẠNG 1. Đặt tính rồi tính

Gợi ý: viết thẳng cột, trừ đơn vị trước. Không trừ được thì lấy thêm 10 để trừ, viết kết quả, nhớ 1. Sang hàng chục: trừ chục, rồi trừ tiếp 1.

Bài 1. Đặt tính rồi tính (viết vào ô li).

a) $47 - 19$

b) $80 - 36$

c) $63 - 28$

Bài 2. Tính. Nhớ ghi số nhớ nhỏ trên cột chục.

a) $\begin{array}{r} 34 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$

--	--

b) $\begin{array}{r} 96 \\ - 58 \\ \hline \end{array}$

--	--

DẠNG 2. Đúng hay sai?

Gợi ý: tự đặt tính và tính lại, rồi so với kết quả đã cho. Kết quả sai thường do lấy số lớn trừ số bé, hoặc quên trừ số nhớ.

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) $60 - 23 = 43$ ☐

b) $81 - 54 = 27$ ☐

c) $45 - 27 = 28$ ☐

d) $37 - 19 = 18$ ☐

Bài 4. Bin tính $90 - 46$ như hình bên. Bin sai ở đâu? Bạn hãy tính lại cho đúng.

$$\begin{array}{r} 90 \\ - 46 \\ \hline 54 \end{array}$$

.....

.....

.....

DẠNG 3. Bài toán có lời văn

Gợi ý: gạch chân hai số và chữ "còn lại" (hoặc "ít hơn"), làm phép trừ, viết đủ ba dòng: lời giải, phép tính, đáp số.

Bài 5. Bác Tư mang ra chợ 64 quả cam, bác đã bán 37 quả. Hỏi bác Tư còn lại bao nhiêu quả cam?

.....

.....

.....

Bài 6. Đội Xanh ghi được 51 điểm. Đội Đỏ ghi được ít hơn đội Xanh 23 điểm. Hỏi đội Đỏ ghi được bao nhiêu điểm?

.....

.....

.....

Phép trừ có nhớ hai chữ số

DẠNG 1. Đặt tính rồi tính

Cách làm. Ví dụ $53 - 26$: 3 không trừ được 6, lấy $13 - 6 = 7$, viết 7, nhớ 1. $5 - 2 = 3$, $3 - 1 = 2$, viết 2. Vậy $53 - 26 = 27$.

Bài 1.

- a) 7 không trừ được 9, lấy $17 - 9 = 8$, viết 8, nhớ 1. $4 - 1 = 3$, $3 - 1 = 2$, viết 2. Đáp án: $47 - 19 = 28$
- b) 0 không trừ được 6, lấy $10 - 6 = 4$, viết 4, nhớ 1. $8 - 3 = 5$, $5 - 1 = 4$, viết 4. Đáp án: $80 - 36 = 44$
- c) 3 không trừ được 8, lấy $13 - 8 = 5$, viết 5, nhớ 1. $6 - 2 = 4$, $4 - 1 = 3$, viết 3. Đáp án: $63 - 28 = 35$

Bài 2.

- a) 4 không trừ được 8, lấy $14 - 8 = 6$, viết 6, nhớ 1. $3 - 1 = 2$, $2 - 1 = 1$, viết 1. Đáp án: $34 - 18 = 16$
- b) 6 không trừ được 8, lấy $16 - 8 = 8$, viết 8, nhớ 1. $9 - 5 = 4$, $4 - 1 = 3$, viết 3. Đáp án: $96 - 58 = 38$

DẠNG 2. Đúng hay sai?

Cách làm. Tính lại từng phép. Kết quả đã cho bằng kết quả mình tính thì ghi Đ, khác thì ghi S.

Bài 3.

- a) 0 không trừ được 3, lấy $10 - 3 = 7$, nhớ 1; $6 - 2 = 4$, $4 - 1 = 3$. Đúng phải là 37 (lỗi: lấy $3 - 0$). Đáp án: **S**
- b) $11 - 4 = 7$, nhớ 1; $8 - 5 = 3$, $3 - 1 = 2$. Được 27. Đáp án: **Đ**
- c) $15 - 7 = 8$, nhớ 1; $4 - 2 = 2$, $2 - 1 = 1$. Đúng phải là 18 (quên trừ số nhớ). Đáp án: **S**
- d) $17 - 9 = 8$, nhớ 1; $3 - 1 = 2$, $2 - 1 = 1$. Được 18. Đáp án: **Đ**

Bài 4. Hàng đơn vị đúng: $10 - 6 = 4$, nhớ 1. Bìn quên trừ số nhớ ở hàng chục: $9 - 4 = 5$, còn phải $5 - 1 = 4$. Đáp án: $90 - 46 = 44$

DẠNG 3. Bài toán có lời văn

Cách làm. "Bán đi, còn lại" hay "ít hơn" thì làm phép trừ. Câu lời giải mượn chữ từ câu hỏi. Phép tính ghi đơn vị trong ngoặc. Đáp số ghi cả số lẫn tên đồ vật.

Bài 5. Số cam bác Tư còn lại là: $64 - 37 = 27$ (quả). Đáp án: **27 quả cam**

Bài 6. "Ít hơn" thì làm phép trừ. Số điểm đội Đỏ ghi được là: $51 - 23 = 28$ (điểm).
Đáp án: **28 điểm**